

Số: **984**/BC - KSBT

Thanh Hoá, ngày 11 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ

Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023

Căn cứ Thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Kế hoạch số 569/KH – KSBT ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về Kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tổ chức triển khai các hoạt động, tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát chất lượng nước tại các cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023. Kết quả như sau:

I. THÀNH PHẦN:

1.1. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa:

- Đại diện lãnh đạo Trung tâm;
- Khoa Sức khỏe môi trường và Y tế trường học;
- Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng;

1.2. Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố có cơ sở cấp nước:

- Đại diện Khoa ATVSTP-YTCC-DD;

1.3. Đại diện cơ sở cấp nước:

- Đại diện chủ quản của cơ sở cấp nước;
- Đại diện cơ sở cấp nước sạch;

II. ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN:

- Địa điểm: 48 cơ sở cấp nước tập trung trên địa bàn tỉnh (phụ lục 1)
- Thời gian: Quý II năm 2023.

III. NỘI DUNG:

3.1. Công tác vệ sinh môi trường:

- Vệ sinh nội ngoại cảnh tại các cơ sở sản xuất nước sạch;
- Vệ sinh khu sản xuất nước sạch của các cơ sở sản xuất nước sạch.

3.2. Hồ sơ theo dõi về chất lượng nước sạch:

- Các văn bản pháp qui về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Các kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước sạch định kỳ, đột xuất
- Các hồ sơ về đảm bảo chất lượng, hóa chất dùng sản xuất nước sạch;
- Báo cáo biện pháp khắc phục các sự cố liên quan đến chất lượng nước sạch;

- Công khai thông tin về chất lượng nước sạch;
- Các tài liệu chứng minh việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn theo quy định;
- Báo cáo kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch hàng quý cho Trung tâm y tế huyện, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo quy định.

3.3. Lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước:

- Mỗi cơ sở sản xuất lấy từ 03 mẫu nước, vị trí lấy mẫu:
 - + 01 mẫu nước sạch tại bể chứa nước sạch thành phẩm ở khu sản xuất;
 - + 02 mẫu nước sạch tại mạng cung cấp nước;
- Các chỉ tiêu xét nghiệm nước 17 chỉ tiêu: Coliforms, E. Coli, As*, Clo dư, Độ đục, Màu sắc, Mùi vị, pH, Chỉ số Pecmanganat, Chloride, Mn, N-NO₃, N-NO₂, Fe, NH₄, Nhôm, Độ cứng (*As – Chỉ áp dụng với nước nguyên liệu là nước dưới đất*).

IV. KẾT QUẢ KIỂM TRA (Phụ lục đính kèm)

4.1. Phân bố các cơ sở cấp nước tập trung trong tỉnh năm 2023: Tổng số: 21/27 huyện/thị xã/tp.

STT	Huyện	TTNSH	CTCP CNTH	Tư nhân	Tổng
1.	Huyện Cẩm Thủy	1	1		2
2.	Huyện Đông Sơn		1		1
3.	Huyện Hà Trung			4	4
4.	Huyện Hậu Lộc	2		2	4
5.	Huyện Hoằng Hóa	1	1	2	4
6.	Huyện Nga Sơn	1			1
7.	Huyện Ngọc Lặc	1	1		2
8.	Huyện Như Thanh			1	1
9.	Huyện Nông Cống	1	1	1	3
10.	Huyện Quảng Xương			2	2
11.	Huyện Thạch Thành		1		1
12.	Huyện Thiệu Hóa	2		1	3
13.	Huyện Thọ Xuân			2	2
14.	Huyện Thường Xuân			1	1
15.	Huyện Triệu Sơn		1	1	2
16.	Huyện Vĩnh Lộc	1		1	2
17.	Huyện Yên Định	2	1	1	4
18.	Thị Xã Bim Sơn		1		1
19.	Thị Xã Nghi Sơn		1	3	4
20.	Tp. Sầm Sơn		1		1
21.	Tp. Thanh Hóa		3		3
	Tổng cộng:	12	14	22	48

Trong đó:

- Vùng Đồng bằng: 32/48 cơ sở; Chiếm 66,7%
- Vùng ven Biển: 09/48 cơ sở; Chiếm 18,7%
- Vùng Miền núi: 07/48 cơ sở; Chiếm 14,6%
- * Nước nguyên liệu:**
- Nước mặt: 36/48 cơ sở; Chiếm 75,0%
- Nước dưới đất: 12/48 cơ sở; Chiếm 25,0%
- * Công suất thực tế**
- Dưới 500 m³/ngày đêm: 08/48 cơ sở; Chiếm 3,8%
- Từ 500 đến dưới 1000m³/ngày đêm: 10/48 cơ sở; Chiếm 20,8%

- Từ 1000 đến dưới 5000m³/ngày đêm: 22/48 cơ sở; Chiếm 45,8%
- Trên 5000m³/ngày đêm: 08/48 cơ sở; Chiếm 16,7%

4.2. Công tác vệ sinh chung:

Công tác vệ sinh nội ngoại cảnh được các cơ sở quan tâm thu gom và xử lý rác theo quy định. Đặc biệt là vệ sinh định kỳ khu vực bể lắng, bể lọc sạch sẽ, sắp xếp vật tư ngành nước gọn gàng. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở chưa thực sự quan tâm đúng mức về công tác vệ sinh như: Trạm quản lý cấp nước sạch Thị trấn Thường Xuân và Hệ thống cấp nước sạch cụm dân cư số 5 tại xã Yên Sơn huyện Hà Trung.

4.3. Hồ sơ của cơ sở cấp nước:

Có 46/48 cơ sở thực hiện ghi chép, báo cáo và sắp xếp hệ thống sổ sách theo dõi, giám sát chất lượng nước gọn gàng và khoa học theo hướng dẫn tại Thông tư 41/2018/TT-BYT và Quyết định 16/2021/QĐ-UBND;

Có 04/48 cơ sở chưa thực hiện tần suất thực hiện nội kiểm các chỉ tiêu chất lượng nước sạch gồm: Trạm quản lý nước Thường Xuân và Nhà máy nước sạch Ngư Lộc, Hệ thống cấp nước sạch cụm dân cư số 5, Trạm xử lý nước sạch TT Thọ Xuân;

Tại thời điểm kiểm tra có 45/48 cơ sở đã thực hiện xét nghiệm 99 chỉ tiêu theo hướng dẫn tại Thông tư 41/2018/TT-BYT và Quyết định 16/2021/QĐ-UBND, thời gian thực hiện năm 2020 – 2023 và 30/48 cơ sở đã có Thông báo tiếp nhận công bố hợp qui của Sở Y tế Thanh Hóa.

Có 35/48 cơ sở cấp nước thực hiện báo cáo định kỳ về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện/thị/Tp theo hướng dẫn tại Thông tư 41/2018/TT-BYT và Quyết định 16/2021/QĐ-UBND.

- Có 18/48 cơ sở cấp nước thực hiện Quan trắc môi trường lao động, tập huấn an toàn vệ sinh lao động.

4.5. Kết quả xét nghiệm mẫu nước:

- Số mẫu xét nghiệm: 123/144 mẫu theo kế hoạch (04 cơ sở cấp nước bị mất điện, nên đoàn không lấy mẫu nước)

- Số mẫu đạt : 90 mẫu (Chiếm tỷ lệ: 73,17 %)

- Số mẫu không đạt : 33 mẫu (Chiếm tỷ lệ: 26,83 %)

(Chỉ tiêu không đạt chủ yếu là: Hàm lượng Mn, Fe, Al - phụ lục đính kèm)

VI. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ:

Các cơ sở cấp nước tập trung tiếp tục thực hiện tốt công tác vệ sinh nội, ngoại cảnh thu gom, xử lý rác và vệ sinh định kỳ khu vực bể lắng, bể lọc sạch sẽ, sắp xếp vật tư ngành nước gọn gàng theo quy định. Đề nghị Trạm quản lý cấp nước sạch thị trấn Thường Xuân và Hệ thống cấp nước sạch cụm dân cư số 5 tại xã Yên Sơn huyện Hà Trung báo cáo đơn vị chủ quản, tổ chức tổng vệ sinh môi trường và vệ sinh khu sản xuất nước trước khi cấp nước cho cộng đồng và đề nghị UBND xã Ngư Lộc nghiên cứu và có kế hoạch di dời khu tập trung rác ra xa khu vực sản xuất nước nhằm tránh gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường không khí;

Duy trì và thực hiện tốt công tác nội kiểm vệ sinh chất lượng nước theo đúng tần suất, số lượng chỉ tiêu quy định của Thông tư 41/2018/TT-BYT và Quyết định 16/2021/QĐ-UBND nhằm kịp thời phát hiện những yếu tố nguy cơ và bất thường về chất lượng nước để có giải pháp can thiệp kịp thời nhằm bảo đảm chất lượng nước sạch trước khi cung cấp cho cộng đồng. Đối với 04 cơ sở chưa thực hiện nội kiểm các chỉ tiêu chất lượng nước sạch gồm: Trạm quản lý nước Thường Xuân, Nhà máy nước sạch

Ngư Lộc, Hệ thống cấp nước sạch cụm dân cư số 5, Trạm xử lý nước sạch TT Thọ Xuân cần có kế hoạch và thực hiện nội kiểm chất lượng nước đúng quy định;

Đối với các cơ sở chưa thực hiện 99 chỉ tiêu theo quy chuẩn QCVN 01:2018/BYT và nộp hồ sơ công bố hợp quy theo hướng dẫn của Sở Y tế Thanh Hóa. Đề nghị các cơ sở sớm thực hiện và có báo cáo về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để tổng hợp và báo cáo các cơ quan theo quy định;

Một số cơ sở chưa thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ cho các cơ sở chức năng theo quy định. Đề nghị đơn vị chủ quản, giám đốc các nhà máy, chi nhánh sản xuất và cấp nước chỉ đạo, thực hiện gửi báo cáo về Trung tâm Y tế huyện và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thanh Hóa theo hướng dẫn;

Tại thời điểm kiểm tra, nồng độ clo dư tại các đơn vị cấp nước dao động trong khoảng 0,2-1,0 mg/L. Đối với Trạm cấp nước sạch thị trấn Thường Xuân và Hệ thống cấp nước sạch cụm dân cư số 5 xã Yên Sơn, huyện Hà Trung clo dư hiện trường có kết quả không phát hiện (KPH). Đề nghị Ban QLDA ĐTXD UBND huyện Thường Xuân, UBND xã Yên Sơn chỉ đạo cơ sở cấp nước đảm bảo nồng độ clo dư trong nước thành phẩm theo qui định;

Các cơ sở có Hàm lượng Mn, Fe, Al vượt tiêu chuẩn cho phép. Đề nghị các cơ sở sớm khắc phục và báo cáo kết quả sau khắc phục về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;

Chủ động xây dựng kế hoạch phòng ngừa, bảo vệ an toàn nguồn nước, triển khai phương án xử lý khi phát hiện tác nhân gây ô nhiễm nguồn nước khi có tình huống phát sinh;

Tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông, nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng, chính quyền các cấp, các ban, ngành, đoàn thể về bảo vệ nguồn nước sử dụng nước sạch an toàn, tiết kiệm. Đồng thời, định kỳ công bố rộng rãi chất lượng nước sạch của nhà máy trên các phương tiện thông tin đại chúng, để người dân biết và giám sát...;

Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hướng dẫn trong công tác kiểm soát chất lượng nước khi có thông báo.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (b/c);
- Trung tâm Y tế huyện/tx/tp;
- Trung tâm Nước SH&VSMT NT;
- Công ty CPCN Thanh Hóa;
- Cơ sở cấp nước tập trung;
- Lưu: VT, SKMT&YTTH. *AR*



Lê Bá Khánh

Phụ lục: Kết quả ngoại kiểm chất lượng nước sạch tại các cơ sở
(Kèm theo Báo cáo số: 984 /BC-KSBT ngày 11 tháng 7 năm 2023)

STT	Tên NMN	Tổng số mẫu	Mẫu đạt	K. Đạt
1	CNCN TT Vạn Hà	3	0	3
2	CNCN xã Cẩm Vân	3	2	1
3	CNCN xã Định Long-Định Liên	3	0	3
4	CNCN xã Hoàng Tiên	3	0	3
5	CNCN xã Minh Lộc	3	3	0
6	CNCN xã Nga Yên	1	0	1
7	CNCN xã Thiệu Đô	3	3	0
8	CNCN xã Tiến Lộc	3	3	0
9	CNCN xã Vạn Thắng	3	3	0
10	Hệ thống cấp nước xã Nguyệt Ấn	1	1	0
11	Công ty TNHH nước sạch Lam Sơn-Sao Vàng	3	3	0
12	CNCN Bim Sơn	3	3	0
13	CNCN Cẩm Thủy	3	3	0
14	CNCN Đông Sơn	3	3	0
15	CNCN Hoàng Hóa	3	3	0
16	CNCN Ngọc Lặc	3	3	0
17	CNCN Nông Cống	3	3	0
18	CNCN Thạch Thành	3	3	0
19	CNCN TP Sầm Sơn	2	2	0
20	CNCN Triệu Sơn	3	3	0
21	CNCN TX Nghi Sơn	3	3	0
22	CNCN Yên Định	3	3	0
23	NM Nước Mật Sơn	3	3	0
24	NMN Hàm Rồng	3	3	0
25	NMN Quảng Thịnh	3	3	0
26	CN NMN sạch Hậu Lộc	3	3	0
27	CTCP cấp nước Miền Trung	3	3	0
28	CTCP dịch vụ nước sạch Triệu Sơn	3	3	0
29	CTCP TMĐT NVC Nam Việt	3	3	0
30	Liên hợp trạm xử lý nước sạch Hà Yên	3	3	0
31	NM cấp nước sinh hoạt Hà Trung	3	3	0
32	NMN Anh Phát	1	1	0
33	NMN Hao Hao	3	0	3
34	NMN sạch Bình Minh	3	3	0
35	NMN sạch Hoàng Xuân	3	3	0
36	NMN sạch TT Quán Lào	3	0	3
37	NMN sạch Vĩnh Hùng	3	0	3
38	Trạm cấp nước sạch TT Bến Sung	3	3	0
39	Trạm xử lý nước sạch TT Thọ Xuân	3	0	3
40	Hệ thống cấp nước sạch cụm dân cư số 5	1	0	1
41	Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ Hà Vinh	3	3	0
42	NMN sinh hoạt Nưư Lộc	3	0	3
43	NMSX nước sinh hoạt Minh Thọ	3	0	3
44	Trạm cấp nước sạch Thường Xuân	3	0	3
Tổng cộng		123	90	33

(Ghi chú: Đoàn không lấy mẫu tại CNCN Vĩnh Thành, CNCN Định Tường, NMN cấp nước An Bình, NMN sạch núi Go).